

Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Số 465 Đường N2, Phường N2, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Minh T1 – Chủ tịch. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Minh V – Phó Chủ tịch. Có mặt.

Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Một thành viên Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi (nay là Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi).

Địa chỉ: Thôn V1, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê D – Giám đốc Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Duy K – Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp thuộc Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi. Có mặt.

Bà Huỳnh Thị Tú A, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn N, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Trần T

Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện ngày 06/7/2020, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 14/7/2020, 25/7/2020, bản trình bày ngày 06/8/2020 của ông Trần T; trong quá trình tham gia tố tụng người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Năm 1992, gia đình ông Trần T có khai hoang, quản lý, sử dụng một diện tích khoảng 7.995m² đất tại Khu vực NC thuộc thôn V1, xã P8, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi với loại đất RSX (Rừng sản xuất - đất lâm nghiệp). Đây là quyền sử dụng của gia đình ông Trần T theo quy định tại Điều 10 Luật đất đai 2013. Năm 2015, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ (nay là thị xã Đ) có Quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Trần T theo Quyết định số 5217/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 thu hồi diện tích đất là 1.871,2m² và bồi thường theo giá nhà nước. Diện tích còn lại hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Trần T cũng không biết sau khi thu hồi diện tích 1.871,2m² của ông, các cấp có thẩm quyền có chỉnh lý, biến động hay không. Tuy nhiên trên thực tế gia đình ông Trần T khai hoang và sử dụng trồng keo cho đến nay. Theo quy định của Luật đất đai thì sau khi thu hồi, phần còn lại UBND huyện Đ (nay là UBND thị xã Đ) phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất còn lại cho vợ chồng ông nhưng không biết vì lý do gì mà cơ quan này không thực hiện. Trong quá trình thu hồi đất, bồi thường cũng đã kê khai, lập hồ sơ, công khai việc thu hồi đất nhưng không có ai tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Trần T nên có đủ cơ sở xác định quyền sử dụng đất của ông T theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai 2013.

Năm 2019, ông Trần T trồng cây keo trên diện tích đất còn lại thì bị Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi (nay là Công ty cổ phần Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi – gọi tắt là Công ty Y) nhổ bỏ 2.423 cây keo với lý do cho rằng đất này đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi cho Công ty Y thuê và Công ty Y không cho ông Trần T sản xuất trên đất này. Giá trị thiệt hại ban đầu là 10.000.000 đồng. Ông Trần T có đơn yêu cầu Công an thị xã Đ giải quyết hành vi hủy hoại tài sản thì được Công an thị xã Đ hướng dẫn ông đến Tòa án hoặc đến UBND tỉnh Quảng Ngãi để giải quyết theo thẩm quyền.

Tuy nhiên, vào tháng 12 năm 2019, ông Trần T tìm hiểu và biết được UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ký Quyết định 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016, cho Công ty Y thuê đất nhưng không thu hồi đất của gia đình ông, cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất chồng lấn lên diện tích của người dân khai hoang sử dụng từ trước đến nay là trái quy định, là nguyên nhân mà Công ty Y nhổ bỏ cây keo của ông.

Ông Trần T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy bỏ Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc cho thuê đất đối với Công ty TNHH một thành viên Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi (*nay là công ty cổ phần Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi*) tại huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi đối với phần diện tích đất của ông Trần T và buộc UBND tỉnh Quảng Ngãi cùng Công ty cổ phần Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 10.000.000 đồng cho ông Trần T.

Trong quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đối với phần diện tích đất của ông Trần T và buộc UBND tỉnh Quảng Ngãi liên đới với Công ty cổ phần Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi bồi thường thiệt hại số tiền 10.823.000 đồng cho ông Trần T.

**Người bị kiện là Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Ngãi trình bày tại Công văn số 4115/UBND-NNTN ngày 04/9/2020, Công văn số 5606/UBND-NNTN ngày 16/11/2020, Công văn số 1141/UBND-NNTN ngày 19/3/2021 và Công văn số 2567/UBND-NNTN ngày 07/6/2021,*

Về nguồn gốc sử dụng đất: Đất Công ty Y xin thuê và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nguyên trước đây là đất do Nông trường Y Đ và Lâm trường Đ quản lý. Ngày 08/12/1992, UBND đã ban hành Quyết định số 1745/QĐ-UB sáp nhập Lâm trường Đ vào Nông trường Y Đ. Ngày 12/3/2007, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 474/QĐ-UBND về việc chuyển Nông trường Y Đ thành Công ty Nông nghiệp Y Quảng Ngãi. Ngày 03/8/2011, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1203/QĐ - UBND về việc chuyển Công ty Nông nghiệp Y Quảng Ngãi (công ty nhà nước) thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Một thành viên Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi. Ngày 15/12/2015, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2210/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi. Ngày 15/6/2017, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định 1120/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 về phê duyệt phương án cổ phần và chuyển công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi thành công ty cổ phần.

Trình tự lập thủ tục cho thuê đất: Ngày 11/01/2013, UBND tỉnh có công văn số 152/UBND-NNTN về việc quản lý, sử dụng đất của các Công ty nông, lâm trường trên địa bàn tỉnh. Ngày 28/10/2013, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1543/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Cắm mốc, đo đạc đường ranh giới, đo đạc lập bản đồ địa chính, bản đồ ranh giới sử dụng đất các nông, lâm trường trên địa bàn tỉnh.

Ngày 08/12/2014, Công ty TNHH Cung ứng Dịch vụ trắc địa Bình Tiến bàn giao hồ sơ cắm mốc giới sử dụng đất “*Về việc cắm mốc, đo đạc đường ranh giới, đo đạc lập bản đồ địa chính, bản đồ ranh giới sử dụng đất công ty TNHH Một thành viên Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi thuộc gói thầu số 01*”.

Ngày 13/5/2015, UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) có Công văn số 919/UBND-TNMT về việc thống nhất diện tích được thuê và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Y. Ngày 25/5/2015, Công ty Y có Tờ trình số 78/TTr-24/3AFC về việc cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên cơ sở thống nhất của UBND các xã, phường: P1 tại Công văn bản số 42/UBND ngày 02/4/2015, P tại Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 10/4/2015, P2 tại Tờ trình số 38/TTr-UBND ngày 07/4/2015, P3 tại Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 01/4/2015, P4 tại Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 01/4/2015, P5 tại Công văn số 45/UBND ngày 02/4/2015, P6 tại Công văn số 113/CV-UBND ngày 31/3/2015 và P7 tại Công văn số 25/UBND ngày 01/4/2015. Ngày 25/02/2016, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi có Tờ trình số 131/TTr-VPĐKĐ về việc phê duyệt Quyết định cho Công ty Y thuê đất tại huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 18/3/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 603/TTr -STNMT trình UBND tỉnh về việc phê duyệt Quyết định cho Công ty Y thuê đất tại huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi.

Qua kiểm tra bản đồ đo vẽ năm 2006 (số hóa), thửa đất số 324, tờ bản đồ số 51, xã P8 có diện tích 65.522m². Đối chiếu bản đồ ranh giới sử dụng đất phân diện tích đất của Công ty Y được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 14/10/2014 thì thửa đất 409, tờ bản đồ số 51 (theo trích lục bản đồ địa chính thửa đất ngày 01/9/2015 để làm thủ tục thu hồi, cho thuê đất công trình nhà máy viên nén sinh học ĐX), xã P8 có một phần diện tích nằm trong thửa đất số 333 và 401, tờ bản đồ số 51, xã P8, thị xã Đ được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cho Công ty Y thuê theo Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016. Việc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cho Công ty Y thuê đất tại huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi là đúng quy định, trình tự, thủ tục của Luật Đất đai hiện hành.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần T về hủy 01 phần Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc cho Công ty TNHH Một thành viên Nông - lâm nghiệp Y (nay là công ty cổ phần Nông – lâm nghiệp Y Quảng Ngãi) thuê đất tại huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi và buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi liên đới với Công ty cổ phần Nông – lâm nghiệp Y Quảng Ngãi bồi thường số tiền 10.823.000 đồng là không có cơ sở.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thị xã Đ trình bày tại Công văn số 10/UBND ngày 06/01/2021, Công văn số 782/UBND ngày 12/4/2021*

Về trình tự ban hành Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc cho Công ty TNHH Một thành viên Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi (nay là công ty cổ phần Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi) thuê đất tại huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi là đúng quy định, trình tự thủ tục của Luật đất đai hiện hành.

Đối với hộ ông Trần T, Ủy ban nhân dân thị xã Đ thu hồi 1.871,2m² đất CLN thuộc thửa đất số 409, tờ bản đồ số 01, bản đồ chính lý và biên tập từ tờ bản đồ số 51 xã P8 được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 20/4/2015. Về nguồn gốc thửa đất số 409, tờ bản đồ số 01, bản đồ chính lý và biên tập từ tờ bản đồ số 51 xã P8 được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 20/4/2015 được UBND xã P8 xác nhận: “Đất khai hoang năm 1993. Sử dụng ổn định từ đó đến nay không ai tranh

chấp; Thời điểm bắt đầu sử dụng ổn định là từ năm 1993, với mục đích sử dụng là đất CLN; tình trạng tranh chấp là không tranh chấp hay lấn chiếm. Thuộc quyền quản lý và sử dụng của hộ ông Trần T, thường trú: thôn Vạn Lý, xã P8, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi". Tại cuộc họp ngày 23/3/2015 giữa UBND xã P8, Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi (nay là công ty cổ phần Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi), Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ, chủ đầu tư Nhà máy sản xuất viên nén sinh học ĐX và đại diện cho hộ có đất bị thu hồi cũng thống nhất về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất như trên.

Trên cơ sở đề nghị của UBND xã P8 tại Tờ trình số 85/TTr-UBND ngày 10/8/2015 về việc đề nghị thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân và đất do Công ty Y, UBND xã P8 quản lý để xây dựng Nhà máy sản xuất viên nén sinh học ĐX, tại lô CN-1, Khu công nghiệp P8, xã P8, huyện Đ. Ngày 11/9/2015, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5217/QĐ - UBND về việc thu hồi đất của ông Trần T và bà Huỳnh Thị Tú A thường trú tại thôn B1, xã P để xây dựng công trình: Nhà máy sản xuất viên nén sinh học ĐX; Quyết định số 5223/QĐ - UBND ngày 11/9/2015 về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án: Nhà máy sản xuất viên nén sinh học ĐX (Đợt 1); Quyết định số 5555/QĐ - UBND ngày 09/10/2015 bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần T và bà Huỳnh Thị Tú A thường trú tại thôn B1, xã P.

Việc thu hồi đất của ông Trần T và bà Huỳnh Thị Tú A thường trú tại thôn B1, xã P là đúng theo quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Thửa đất số 409, tờ bản đồ số 01 – Bản đồ chỉnh lý và biên tập từ tờ bản đồ số 51 xã P8 được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 20/4/2015 nguyên thửa đất này thuộc thửa đất số 324, tờ bản đồ số 51, xã P8, diện tích 65.522 m², bản đồ đo vẽ năm 2006. Đối chiếu với bản đồ ranh giới sử dụng đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 14/10/2014 thì phần diện tích đất 2.762.259 m² cho Công ty TNHH Một thành viên Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi thuê đất tại xã P8 (theo Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh) có một phần thửa đất số 324; cụ thể phần diện tích thuộc thửa đất số 324 là 52.406m². Đối với yêu cầu của ông Trần T đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi (gọi tắt là Công ty Y) trình bày:*

Ông Trần T cho rằng UBND tỉnh Quảng Ngãi cho Công ty Y thuê đất, nhưng không thu hồi đất của gia đình ông là trái quy định của Luật đất đai nên yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tuyên hủy một phần Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và buộc UBND tỉnh liên đới với Công ty Y bồi thường thiệt hại cho ông 10.823.000 đồng là hoàn toàn không có căn cứ. Vì:

Công ty Y tiền thân là Nông trường Y được UBND tỉnh Nghĩa Bình thành lập vào ngày 30/12/1977 và đến tháng 6 năm 1990, Chính quyền địa phương và Nông trường Y đã tiến hành xác định ranh giới và cắm mốc ranh giới giữa Nông trường Y với 02 xã P và P8. Tháng 4 năm 1991, Đoàn điều tra cơ bản – Ban quản lý đất đai tỉnh Quảng Ngãi và Nông trường Y đã đo đạc, lập bản đồ địa chính, với diện tích 663,722ha và ngày 19/3/1993, Giám đốc Nông trường đã có Tờ trình 06/TT về việc xin khai hoang rừng, trong đó có nêu: Nông trường Y được thành lập từ năm 1977,

với tổng diện tích tự nhiên: 2.236ha, nay Nông trường trình quý cấp cho phép đơn vị được khai hoang rừng để thực hiện nhiệm vụ sản xuất, địa điểm: Khu vực Nông trường đang quản lý, về hướng Tây dọc theo chân núi TC đến HV. Ngày 26/12/2006, UBND tỉnh Quảng Ngãi có Quyết định số 3360/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới và chuyển Nông trường Y Đ thành Công ty Nông nghiệp Y Quảng Ngãi, với tổng diện tích đất tự nhiên 922,6ha.

Ngày 12/3/2014, Sở Tài nguyên và Môi trường và Công ty TNHH cung ứng dịch vụ trắc địa Bình Tiến đã ký kết Hợp đồng số 2978/2014/NĐ - DVKT xây dựng lưới địa chính, cắm mốc, đo đạc đường ranh giới, đo đạc lập bản đồ địa chính, bản đồ ranh giới sử dụng đất của Công ty Y với tổng diện tích 770,18ha, trong đó có cả 9,02ha đất thuộc dự án Nhà máy viên nén sinh học của Công ty ĐX.

Ngày 31/7/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Kết luận thanh tra 1749/KL - STNMT về việc quản lý, sử dụng đất của Công ty Y xác định: Tổng diện tích tự nhiên của Công ty đang quản lý sau khi đo đạc, cắm mốc được xác định là 770,18ha, giảm 152,42ha so với diện tích đất được giao theo Quyết định số 3360/QĐ-UBND ($922,6ha - 152,42ha = 770,18ha$). Công ty tiếp tục quản lý, sử dụng 709,44ha, còn lại 60,74ha nằm trong ranh giới đã đo đạc cắm mốc công ty giao lại địa phương quản lý ($770,18ha - 60,74ha = 709,44ha$); Trong 60,74ha giao lại địa phương có cả diện tích 9,02ha thuộc dự án Nhà máy viên nén sinh học của công ty ĐX.

Căn cứ Kết luận thanh tra số 1749/KL - STNMT và Tờ trình số 125 của: Công ty Y, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có Quyết định số 349/QĐ - UBND, ngày 22/10/2015 về việc thu hồi một phần diện tích đất của Công ty Y tự nguyện trả lại đất với tổng diện tích đất thu hồi là 60,74ha, trong đó có 9,02 ha đất thuộc dự án Nhà máy viên nén sinh học của Công ty ĐX.

Ngày 24/3/2016, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có Quyết định số 152/QĐ-UBND về việc cho thuê đất đối với Công ty Y, với tổng diện tích đất là: $7.094.448m^2$ và ngày 25/10/2016 UBND tỉnh Quảng Ngãi đã cấp 216 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Y, với tổng diện tích đất là $7.049.400,7m^2$ (sau khi trừ đi $32.156,3m^2$ UBND huyện Đ thu hồi để xây dựng Hồ chứa nước Cây xoài và $12.891m^2$ đất thủy lợi).

Như vậy Quyết định cho thuê đất số 152/QĐ - UBND ngày 24/3/2016 là UBND tỉnh Quảng Ngãi cho Công ty Y thuê đất của Nhà nước đã giao cho Nông trường Y (Công ty Y) quản lý, sử dụng từ năm 1977. Tại cuộc họp ngày 16/7/2010 giữa Công ty Nông nghiệp Y với công nhân sản xuất và đại diện lãnh đạo Nông trường Y cũ để xác định nguồn gốc đất trong vùng quy hoạch Khu công nghiệp P8 (trong đó có 9,02ha đất thuộc dự án Nhà máy viên nén sinh học của công ty ĐX) cũng thống nhất: Diện tích Nông trường quản lý giao khoán từ trước đến nay, không có diện tích các hộ dân tự khai hoang; Nông trường Y cũ trước đây từ khi được thành lập đến nay không có chủ trương cho bất kỳ một cá nhân nào khai hoang trên đất của Nông trường, những diện tích ngoài diện tích giao khoán là dân tự lấn chiếm các bờ lô, bờ thửa, bờ chống cháy, chống xói mòn... chứ không phải đất khai hoang.

Việc Ủy ban nhân dân tỉnh cho Công ty thuê đất theo Quyết định số 152 là hoàn toàn có cơ sở và đúng trình tự, thủ tục pháp luật. Toàn bộ diện tích đất này là của Nhà nước giao cho Nông trường Y (nay là công ty cổ phần Nông lâm nghiệp Y

Quảng Ngãi) quản lý, sử dụng từ năm 1977 đến nay, UBND tỉnh Quảng Ngãi chỉ làm thủ tục quyết định cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty theo đúng quy định. Còn riêng Quyết định số 5217/QĐ - UBND, ngày 11/9/2015 của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất của ông Trần T và bà Huỳnh Thị Tú A là thu hồi phần đất nằm trong diện tích đất mà Công ty đã tự nguyện trả lại đất cho địa phương quản lý và UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có Quyết định thu hồi đất số 349/QĐ - UBND ngày 22/10/2015 nên không còn liên quan đến của Công ty.

Ông Trần T yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty Y liên đới với UBND tỉnh phải bồi thường thiệt hại cho ông T 10.823.000 đồng là hoàn toàn không có căn cứ. Ông Trần T là người lấn chiếm sử dụng 4.613m² đất tại thửa đất số 401 và 312m² đất tại thửa đất số 333, thuộc tờ bản đồ số 51, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA784443 của Công ty Y để trồng cây keo, công ty đã có nhiều lần mời ông Trần T đến Công ty làm thủ tục ký kết hợp đồng giao khoán theo Nghị định 168/NĐ - CP ngày 27/12/2016 của Chính Phủ, nhưng ông T không thực hiện mà cố tình lấn chiếm đất của công ty nên xảy ra tranh chấp và ngày 22/11/2019 Chủ tịch UBND huyện Đ có Thông báo số 348/TB - UBND kết luận: Công ty thống nhất các hộ dân trồng cây ngắn ngày với các loại cây như: lúa nước, bắp, đậu, dưa, mì (trừ cây mía). Tuy nhiên ông Trần T không thực hiện theo Thông báo số 348 mà lại đem trồng cây Keo trên đất của Công ty. Ngày 12/3/2020 Công ty đã có thông báo số 44/TB - YAFC, yêu cầu ông Trần T đến ngày 20/3/2020 phải di dời số cây keo đã trồng ra khỏi đất của Công ty, nếu không Công ty sẽ thực hiện các biện pháp bảo vệ đất theo quy định tại điều 170 Luật Đất đai, nhưng ông T vẫn không thực hiện. Để bảo vệ đất đai đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Công ty đã nhổ bỏ cây keo mà ông Trần T đã trồng trái phép trên đất của Công ty là hoàn toàn hợp lý.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Tú A: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Trần T, và người đại diện theo ủy quyền của ông Trần T, bà không đồng ý trước việc UBND tỉnh Quảng Ngãi lấy đất của gia đình bà cho Công ty Y thuê.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 31/2021/HC-ST ngày 04/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định

Căn cứ vào khoản 2, Điều 3; Điều 7; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 56, 58, 59 Luật đất đai năm 2013; điểm a, b khoản 2, Điều 68 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật đất đai; **Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;** khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần T về việc yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đối với diện tích đất của ông Trần T.

- Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Công ty cổ phần Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi liên đới bồi thường cho ông Trần T số tiền 10.823.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 18/10/2021 Ông Trần T có kháng cáo; Ngày 02 tháng 11 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có kháng nghị phúc thẩm số 27/QĐ-VKS-HC theo hướng sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút toàn bộ kháng nghị, đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Đối với kháng cáo của ông Trần T, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, bà Huỳnh Thị Tú A là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 157; Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[1.2] Về đối tượng, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện

Ngày 24/3/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định 152/QĐ-UBND (gọi tắt là Quyết định số 152) về việc cho thuê đất đối với công ty TNHH MTV Nông – lâm nghiệp Y Quảng Ngãi (nay là công ty cổ phần Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi – gọi tắt là Công ty Y) tại huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi. Tháng 12 năm 2019, ông Trần T biết Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cho Công ty Y thuê đất tại Quyết định số 152 có phần diện tích đất của ông, ông cho rằng quyết định này trái pháp luật làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông nên ngày 06/7/2020, ông Trần T nộp đơn khởi kiện Quyết định số 152 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn thời hiệu khởi kiện và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Trần T đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thì thấy;

Ông Trần T cho rằng, gia đình ông đã tự khai hoang canh tác từ năm 1993 cho đến nay ổn định, không có tranh chấp Nhưng tại công văn số 117/CP-CTNN ngày 21 tháng 9 năm 2010 của công ty nông nghiệp Y Quảng Ngãi đã xác định, Nông trường Y từ khi thành lập đến nay không có chủ trương giao đất cho bất cứ một cá nhân nào khai hoang trên đất của nông trường, diện tích

ông Trần T đang sử dụng là tự lấn chiếm của nông trường, thuộc các bờ Lô, Bờ thửa, bờ chống cháy, chống xói mòn chứ không phải là đất khai hoang.

[2.2] Đối với nội dung xác nhận tại biên bản họp ngày 23 tháng 3 năm 2015 với thành phần Ủy ban nhân dân xã P8, Trung tâm Phát triển Quỹ đất và đại diện của công ty Y đều thống nhất thửa 409 diện tích 7.995m² diện tích quy hoạch 1871,2 m², tờ bản đồ 51 xã P8 Huyện Đ không ai tranh chấp. Đối với nội dung xác định này, đã được Ủy ban nhân dân xã P8, Báo cáo số 235 ngày 15 tháng 11 năm 2021 xác nhận thửa đất 409 tờ bản đồ 61 là đất của công ty Cổ Phần Nông Nghiệp 24 tháng 3 Quảng Ngãi. Năm 2015, Ủy ban nhân dân xã xác nhận thửa 409, tờ bản đồ 51 của ông Trần T và bà Huỳnh Thị Tú A khai hoang năm 1993 sử dụng ổn định không có ai tranh chấp là sai sót chưa đúng quy định nên ngày 30/01/2021 Ủy ban nhân dân xã P8 đã có thông báo 670 TB-UBND thu hồi giấy xác nhận nguồn gốc đất tại dự án nhà máy sản xuất viên nén sinh học ĐX nêu trên.

Đồng thời tại CV số 225/BC-24/3AFC ngày 13 tháng 11 năm 2021 Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Y Quảng Ngãi là công ty quản lý sử dụng từ trước năm 1990 cho đến ngày 31 tháng 11 năm 2015 công ty Giao trả một phần diện tích cho xã P8 quản lý để xây dựng nhà máy viên nén sinh học, diện tích đất còn lại thuộc thửa số 409 và số 333 tờ bản đồ 51 ngày 16/9/2016 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Công ty Y thuê đất, tại quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2016. Vì vậy; việc xác nhận đất không có tranh chấp hoàn toàn không có căn cứ. Ngoài ra, diện tích 7.995m² thuộc thửa đất 491 tờ bản đồ 51 mà ông Trần T khiếu nại được Ủy ban nhân dân huyện Đ giao cho nông trường quản lý, thể hiện tại biên bản xác minh ranh giới hành chính giữa ban nhân dân huyện Đ, địa chính các xã P8, P và nông Trường Y; Các nội dung về hàng được Sở Tài nguyên và Môi trường công ty trách nhiệm hữu hạn cung ứng dịch vụ Trắc địa Bình Tiến phối hợp với địa phương xã P8 tiến hành Cắm mốc, đo đạc đường ranh giới, lập bản đồ địa chính, bản đồ ranh giới sử dụng đất của công ty Y. Đây chính là cơ sở để ban nhân dân ban hành quyết định số 152/UBND ngày 4 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

[2.3] Qua đối chiếu kiểm tra bản đồ ranh giới sử dụng đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 14/10/2014 thì thửa đất số 409, tờ bản đồ 51, xã P8 có một phần diện tích đất nằm trong thửa đất số 333, 401 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, cho Công ty Y thuê theo Quyết định số 152 ngày 24/3/2016; đối với thửa, 333, 401 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số GCN CT07816, ngày 25/10/2016 cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi (Bút lục 182). Như vậy; trước và sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất nói trên thì Công ty Y quản lý và sử dụng. Mặc khác, quá trình giải quyết vụ án, ông T không có tài liệu gì để chứng minh đã đăng ký

kê khai quyền sử dụng đất theo Chỉ thị 299/TTg, Nghị định 64/CP của Chính phủ và các giấy tờ liên quan theo Luật đất đai 2013.

Như vậy, ông Trần T khiếu nại yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích tại Thửa 409 bản đồ 51 xã P8 và yêu cầu hủy một phần Quyết định số 152- QĐ/UBND ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là không có cơ sở. Vì thửa đất nêu trên đã được nhà nước giao cho nông trường Y từ năm 1977 thể hiện tại các biên bản xác định cột mốc, ranh giới quản lý được nhà nước giao cho Nông Trường Y vào năm 1990, 2014 và đã cắm mốc giới ổn định.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần T là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại do Quyết định hành chính gây ra:

[3.1] Như đã phân tích phần trên, diện tích đất Thửa 409 bản đồ 51 xã P8 đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số GCNCT07816, ngày 25/10/2016 cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi.

Mặc khác, theo ông Trần T trình bày tại đơn khởi kiện, cũng như các tài liệu có tại hồ sơ thì. Hiện trạng thửa đất trên là do UBND xã P8 quản lý không sử dụng nên ông trồng cây. Như vậy; bản thân ông T đã thừa nhận diện tích đất tranh chấp nêu trên là do UBND xã P8 quản lý chứ không phải đất của Ông. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần T yêu cầu bồi thường thiệt hại cây cối trên đất do Quyết định hành chính gây ra không có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã rút Quyết định kháng nghị số 27/QĐ-VKS-HC ngày 2 tháng 11 năm 2021 và đề nghị bác kháng cáo ông Trần T, nên Cấp phúc thấy có căn cứ nên chấp nhận theo đề nghị của đại diện viện kiểm sát, giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Bộ luật tố tụng hành chính. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Trần T. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào khoản 2, Điều 3; Điều 7; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 56, 58, 59 Luật đất đai năm 2013; điểm a, b khoản 2, Điều 68 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật đất đai; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần T về việc yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đối với diện tích đất của ông Trần T.

- Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Công ty cổ phần Nông lâm nghiệp Y Quảng Ngãi liên đới bồi thường cho ông Trần T số tiền 10.823.000 đồng.

2. Về án phí: Ông Trần T phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2018/0006011 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi ngày 30/7/2020. Ông Trần T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn đồng); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000667 ngày 03/11/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi, ông Trần T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án Hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Dương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tồn